TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày: 26/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Thanh Toàn

Bà: Đinh Thị Thanh Huyền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Hà - Cán bộ Toà án Minh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá: Ông Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở TAND huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 776/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đ T Th (Tên gọi khác: V), sinh ngày: 25 tháng 5 năm 1986 tại: H H, M H, Q B. Nơi cư trú: Thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B; nghề nghiệp: Sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đ H B và bà Đ T T; có vợ là L T N L và 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2019 cho đến nay, có mặt

2. Đ C T (Tên gọi khác: M), sinh ngày: 10 tháng 6 năm 1990 tại: H H, M H, Q B. Nơi cư trú: Thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B; nghề nghiệp: Sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Đ V C và bà Đ T T; có vợ là C T V và 02 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị

cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2019 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ C T: Ông T V L – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q B.

- Người bị hại:

Chị C T D (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C L, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B.

- Người làm chứng:

Anh N V D (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y Đ, xã Y H, huyện M H, tỉnh Q B

Chị C T T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 C L, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B.

Chị Đ T H L (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B.

Chị Đ T H V (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T P, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B

Chị C T H L (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 C L, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B

Anh T Đ T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T S, xã M H, huyện M H, tỉnh Q B

Anh T X C (Vắng mặt)

Địa chỉ: Trường tiểu học T H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/9/2019, Đ T Th điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe 9 chỗ ngồi, màu sơn trắng, biển kiểm soát Lào nn – 03.. chở theo Đ C T và T Đ T (T1) đi đến trường Tiểu học T H, điểm trường C L tìm chị C T D để đòi nợ. Đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, lúc đang đậu xe phía ngoài cổng trường, T thấy chị D đi vào cổng trường nên thông báo cho Th biết, Th bảo T đi vào trường gọi chị D ra nói chuyện. Lúc đó chị D đang ổn định lớp ở trong phòng học lớp 1C (lớp do chị D chủ nhiệm) thì nghe tiếng ồn ào ở lớp bên cạnh nên chị D đi sang để nhắc nhở. Khi ra đến hành lang thì gặp T, T bảo chị D đi ra có người cần gặp, nghe vậy chị D cùng T đi ra chỗ chiếc xe ô tô. Tại đây T bảo chị D lên xe nhưng chị D không đồng ý, lúc này Th đang gọi điện thoại. Thấy vậy Th xuống xe đi vòng qua vị trí của chị D đang đứng rồi tắt điện thoại, sau đó Th dùng hai tay túm vào hai bắp tay chị D và đẩy lên xe ô tô đang mở cửa sẵn nhưng chị D kháng cự, Th tiếp tục dùng một tay đẩy sau lưng, một tay vòng về khuỷu chân đẩy

chị D lên xe. Nhưng do chị D van xin được ở lại để giảng dạy lớp học và kháng cự quyết liệt nên không đưa được chị D lên xe. Th bảo T giúp sức để đẩy chị D lên xe, lúc đầu T không đồng ý nhưng bị Th nạt nên T đã kéo cửa xe rộng ra và dùng hai tay đỡ hai chân chị D ép và đẩy được chị D lên xe ô tô, Th đóng cửa xe đồng thời bảo T1 điều khiển nhưng T1 không đồng ý, nên Th đã lên điều khiển xe ô tô chở theo T1 ngồi ghế phụ phía trước, T và chị D ngồi ghế sau đi về nhà ông Đ H B là bố của Th ở thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B. Khi đến nhà ông B, Th mở cửa xe cho chị D xuống, chị D vào nhà ngồi nói chuyện với ông B còn Th tháo biển kiểm soát nn – 03.. đeo trên xe thay bằng biển kiểm soát nn – 81... Ngay sau đó sự việc được Công an huyện Minh Hóa phát hiện và xác minh làm rõ.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe 9 chỗ ngồi, màu sơn trắng, biển kiểm soát nn 81... Xe cũ, đã qua sử dụng;

- 02 biển kiểm soát xe ô tô số nn 03.. đã cũ;

- 01 cây rựa dài 67cm, phần cán làm bằng gỗ tròn dài 40cm, đường kính 3cm, được nối với phần lưỡi bằng 02 khuyên kim loại. Phần lưỡi rựa làm bằng kim loại dài 27cm, chỗ rộng nhất 5cm, hẹp nhất 3cm. Rựa cũ, đã qua sử dụng;

- 01 ống bằng kim loại màu nâu xám dài 93cm, đường kính 2cm;

- 01 thẻ nhựa màu xanh, bề mặt có in chữ nước ngoài kích thước (8,5 x 5,4)cm;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng;

- 01 giấy phép lái xe ô tô số 440070000816 mang tên Đ T Th.

Cáo trạng số 37/CT-VKSMH ngày 28/11/2019Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố các bị cáo Đ T Th, Đ C T về tội "Bắt người trái pháp luật" theo khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hóa, Viện kiểm sát huyện Minh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo: Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 17/9/2019, tại trường Tiểu học T H, điểm trường C L, Đ T Th và Đ C T đã có hành vi bắt người trái pháp luật đối với chị C T D là giáo viên (đang ổn định lớp 1C do mình chủ nhiệm) lên xe ô tô chở về nhà ông Đ H B ở thôn T B, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B với mục đích để đòi nợ.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố cũng như đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ T Th từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ C T từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, xử lý vật chứng và án phí.

[3] Xét tính chất hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra vụ án cho thấy: Đây là hành vi phạm tội có tính chất táo bạo và liều lĩnh, hành vi của các bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật. Vì vậy hành vi trên cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh nhằm trừng trị, cải tạo thành người tốt và răn đe và giáo dục chung.

Bị cáo Đ T Th là người chỉ đạo và trực tiếp tham gia vào quá trình phạm tội. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Đ C T là người trực tiếp tham gia vào quá trình phạm tội. Lẽ ra bị cáo phải can ngăn bị cáo Th nhưng bị cáo lại tham gia nhiệt tình và tích cực. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, vì vậy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân của bị cáo Đ T Th: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cứ trú rõ ràng.

Tình tiết tăng nặng: không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ

được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nhân thân của bị cáo Đ C T: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

Tình tiết tăng nặng: không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo có giấy xác nhận của UBND xã đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Đ T Th:

- 01 cây rựa dài 67cm, phần cán làm bằng gỗ tròn dài 40cm, đường kính 3cm, được nối với phần lưỡi bằng 02 khuyên kim loại. Phần lưỡi rựa làm bằng kim loại dài 27cm, chỗ rộng nhất 5cm, hẹp nhất 3cm. Rựa cũ, đã qua sử dụng;

- 01 ống bằng kim loại màu nâu xám dài 93cm, đường kính 2cm;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe 9 chỗ ngồi, màu sơn trắng, biển kiểm soát nn 81... Xe cũ, đã qua sử dụng;

- 02 biển kiểm soát xe ô tô số nn 03.. đã cũ;

- 01 thẻ nhựa màu xanh, bề mặt có in chữ nước ngoài kích thước (8,5 x 5,4)cm;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng;

- 01 giấy phép lái xe ô tô số 440070000816 mang tên Đ T Th.

Số vật chứng trên đã đựoc chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

[7] Trong vụ án này còn có T Đ T mặc dù đi cùng với Th và T nhưng T1 không biết Th và T đi bắt chị D, khi thấy Th và T bắt chị D thì T1 đã can ngăn nhưng không được, khi Th yêu cầu T1 điều khiển xe ô tô để chở chị D đi nhưng T1 đã từ chối, nên hành vi của T1không cấu thành tội phạm.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đ T Th, Đ C T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đ T Th, Đ C T phạm tội: *"Bắt người trái pháp luật"* .

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đ T Th 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày 26/12/2019. Giao bị cáo cho UBND xã H H, huyện M H, tỉnh Q B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đ C T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày 26/12/2019. Giao bị cáo cho UBND xã H H, huyện M H, tỉnh Q B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đ T Th và bị cáo Đ C T không quá thời hạn từ khi tuyên án cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 3, Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Đ T Th:

- 01 cây rựa dài 67cm, phần cán làm bằng gỗ tròn dài 40cm, đường kính 3cm, được nối với phần lưỡi bằng 02 khuyên kim loại. Phần lưỡi rựa làm bằng kim loại dài 27cm, chỗ rộng nhất 5cm, hẹp nhất 3cm. Rựa cũ, đã qua sử dụng;

- 01 ống bằng kim loại màu nâu xám dài 93cm, đường kính 2cm;

- 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe 9 chỗ ngồi, màu sơn trắng, biển kiểm soát nn 81... Xe cũ, đã qua sử dụng;

- 02 biển kiểm soát xe ô tô số nn 03.. đã cũ;

- 01 thẻ nhựa màu xanh, bề mặt có in chữ nước ngoài kích thước (8,5 x 5,4)cm;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng;

- 01 giấy phép lái xe ô tô số 440070000816 mang tên Đ T Th.

Số vật chứng trên đã đươc chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày

06/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

3.Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đ T Th, Đ C T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2019), người bị hại có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã H H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**